

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 16 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						566 668	221 282	345 386			
I		<u>CẢNG CHÍNH</u>						111 502	19 821	91 681			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>44 540</i>	<i>19 821</i>	<i>24 719</i>			
1		XD CN MỎ	10/06	985/06		BN 2056	CỤC XỎ 1C	1 000	988	12	13/06	TD	
2		KDT THANH HOÁ	12/06	955/06	30/6	TÂN PHÚC 01	CÁM 5A.1	3 200	3 091	109	13/06	PTCB	
3		CP TTC	13/06	997/06	30/06	HN 2089	CỤC 4A.1	1 250	1 241	9	14/06	TD	
4		ĐẠM HÀ BẮC	11/06	987/06	26/6	QN 4320	CÁM 4A.1	1 700	1 686	14	14/06		
5		ĐẠM NINH BÌNH	12/06	994/06	30/06	NB 8955	CÁM 4A.1	3 045	2 996	49	15/06		món:2.996,21
6		THAN MIỀN NAM	15/06	1001/06		QUANG HUY 36	CUC 4A.2	2 800	2 775	25	15/06		
7		THAN SÔNG HỒNG	02/06	834/05	17/06	BN 1858	CỤC XỎ 1C	1 040	337	703	Dỡ	TD	GIA HẠN L1
8		ĐIỆN VĨNH TÂN I	15/06	1000/06		HẢI NAM 79	CÁM 6A.1	27 500	4 547	22 953	Dỡ		
9		ĐẠM NINH BÌNH	15/06	1002/06		NB 8519	CÁM 4A.1	3 005	2 160	845	DỠ		
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						66 962		66 962			
1		XD CN MỎ	30/05	631/04	31/05	BN 2519	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
2		XD CN MỎ	30/05	730/04	31/05	BN 2276	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
3		XD CN MỎ	30/05	751/04	31/05	BN 0679	CÁM 4B.1	1 200		1 200		TD	GIA HẠN L1
4		KDT BẮC THÁI	30/05	760/04	31/05	BN 1818	CÁM 1	1 980		1 980		TD	GIA HẠN L1
5		KDT BẮC THÁI	30/05	761/04	31/05	NB 8011	CÁM 2A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
6		KDT BẮC THÁI	30/05	762/04	31/05	BN 1363	CÁM 4A.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
7		CROMIT THANH HOÁ	30/05	786/04	31/05	HD 2558	CỤC XỎ 1C	2 080		2 080		TD	GIA HẠN L1
8		CROMIT THANH HOÁ	31/05	796/04	31/05	HD 2266	CÁM 4B.1	1 980		1 980		TD	
9		CP VTT VINACOMIN	02/05	808/05	16/05	BN 0988	CỤC XỎ 1C	1 030		1 030		TD	
10		XD CN MỎ	04/05	815/05	19/05	BN 1459	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
11		DVVT QUẢNG NINH	05/05	816/05	20/05	BN 0719	CỤC XỎ 1C	1 100		1 100		TD	
12		CP HÀNG HẢI VN	12/05	818-B/05	20/05	BN 2616	BÚN 3B	1 700		1 700		TD	THAY TBGT SỐ 818/05 NGÀY 05/05/2025
13		ĐT TMDV VINACOMIN	03/06	832-B/05	18/06	BN 2122	CÁM 4B.1	2 000		2 000		TD	THAY TBGT SỐ 832/05 NGÀY 06/05/2025
14		DVVT QUẢNG NINH	07/05	841/05	22/05	BN 2228	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
15		CROMIT THANH HOÁ	08/05	843/05	14/05	NĐ 2926	BÚN 3B	1 408		1 408		TD	
16		KDT NINH BÌNH	14/05	878/05	31/05	BN 8519	CÁM 4A.1	3 005		3 005			
17		THAN ƯƠNG BÍ	14/05	880/05	31/05	BN 1886	BÚN 3B	900		900		TD	THAY TBGT SỐ 860/05 NGÀY 11/05/2025
18		KDT CẦU ĐUÔNG	15/05	884/05	31/05	BN 2056	CỤC XỎ 1C	1 000		1 000		TD	
19		KDT BẮC THÁI	18/05	892/05	31/05	BN 0746	CÁM 1	750		750		TD	THAY TBRT SỐ 572/03 NGÀY 29/04/2025
20		V-TRACO	21/05	914-B/05	31/05	BN 0979	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	Thay TBGT số 914/05 ngày 21/05/2025

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 16 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
21		KDT BẮC THÁI	28/05	932/05	31/05	HD 1818	CẨM 1	1 981		1 981		TD	
22		KDT BẮC THÁI	28/05	933/05	31/05	BN 1158	CẨM 2A.1	1 250		1 250		TD	
23		KDT BẮC THÁI	28/05	934/05	31/05	BN 2033	CẨM 4A.1	1 250		1 250		TD	
24		VTT VINACOMIN	28/05	937/05	31/05	BN 1468	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
25		CROMIT THANH HOÁ	29/05	943/05	31/05	HD 2095	CỤC XÔ 1C	1 988		1 988		TD	
26		CROMIT THANH HOÁ	29/05	944/05	31/05	NB 8927	CẨM 4B.1	3 020		3 020		TD	
27		KDT CẦU ĐUÔNG	31/05	947/05	31/05	BN 0719	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
28		KDT HÀ NỘI	31/05	948/05	31/05	BN 1386	CẨM 4B.1	1 000		1 000		TD	
29		ĐT TMDV VINACOMIN	02/06	953/05	17/06	BN 1826	CỤC XÔ 1C	1 050		1 050		TD	
30		DVVT QUẢNG NINH	02/06	955/05	17/06	BN 1879	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
31		DVVT QUẢNG NINH	02/06	956/05	17/06	BN 1997	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000			
32		CP VTT VINACOMIN	02/06	961/06	17/06	BN 2022	CỤC XÔ 1C	1 020		1 020			
33		V-TRACO	05/06	969/06	20/06	BN 2368	CỤC XÔ 1C	1 550		1 550		TD	
34		THAN SÔNG HỒNG	06/06	977/06		BN 2006	CỤC XÔ 1C	1 040		1 040		TD	
35		THAN MIỀN NAM	06/06	979/06		VT 095-01	CẨM 5A.1	8 750		8 750			
36		CROMIT THANH HOÁ	11/06	988/06	26/6	CHÍ THÀNH 69	CẨM 5A.1	3 250		3 250		PTCB	
37		KDT HẢI PHÒNG	11/06	989/06	26/6	HP 5925	CẨM 5A.1	1 550		1 550		PTCB	
38		XD CN MỎ		991/06		BN 1835	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	
39		COALIMEX	14/06	998/06	30/06	BN 1309	CỤC XÔ 1C	1 000		1 000		TD	
40		ĐẠM HÀ BẮC	14/06	999/06	30/06	TĐ 68-TT	CẨM 4A.1	2 270		2 270		TD	
41		ĐẠM NINH BÌNH	15/06	1003/06		NB 8828	CẨM 4A.1	2 760		2 760			
		Tàu chuyên tải						239 400	107 464	131 936			
		Tàu đang làm hàng						137 450	107 464	29 986			
1		ĐIỆN VŨNG ÁNG	05/06	975/06		VIỆT THUẬN 215-06	CẨM 5A.14	20 600	20 567	33	12/6		KDT CP:10.433 - CLM:10.134
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	04/06	966/06		HẢI NAM 88	CẨM 6A.1	23 150	23 045	105	15/6		TTHG:20.000 - KVCP:3.150
3		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	06/06	980/06		HẢI NAM 81	CẨM 6A.1	47 700	36 050	11 650	ĐỔ		TTCO:25.000 - 22.700
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	09/06	982/06		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	46 000	27 802	18 198	ĐỔ		TTCO: 26.002,32 - TTHG:20.000
		Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)						101 950		101 950			
1		CP DK HÀ TĨNH	02/06	957/05	17/06	VIỆT THUẬN 235	CẨM 5A.10	22 750		22 750			TTCO:22.750
2		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	974/06		VIỆT THUẬN 30-06	CẨM 5B.14	26 000		26 000			TTHG:13.000 - KDT CP:13.000
3		ĐIỆN DUYÊN HẢI	06/06	976/06		VIỆT THUẬN 30-05	CẨM 6A.14	25 500		25 500			TTCO:25.500
4		ĐIỆN VĨNH TÂN 1		990/06		PACIFIC 01	CẨM 6A.1	27 700		27 700			TTHG: 22.000 -KVCP:5.700
II		KHO G9-HÓA CHẤT						60 238	20 969	39 269			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 16 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						<i>21 162</i>	<i>20 969</i>	<i>193</i>			
1		CP ĐTTM&DV	09/6	423	24/6	BN - 1666	CỤC 1B	1 100	1 086	14	13/6	TD	
2		CẦU ĐUÔNG	12/6	581	27/6	BN - 0808	CẨM 8A	1 500	1 490	10	13/6	TD	
3		SÔNG HỒNG	03/6	141	16/6	HN - 1645	CẨM 8A	996	991	5	13/6	TD	
4		XD CN MỎ	12/6	561	27/6	HD - 7989	CẨM 8A	1 850	1 841	9	13/6	TD	
5		MIỀN BẮC	13/6	609	27/6	QN - 9379	CẨM 7B	1 920	1 913	7	13/6	PT CB	
6		COALIMEX	02/6	80	15/6	THANH BÌNH 05	CẨM 7A	3 000	2 965	35	14/6	PT CB	
7		COALIMEX	12/6	568	27/6	BN - 1818	CẨM 8A	1 982	1 960	22	14/6	TD	
8		MIỀN BẮC	13/6	630	28/6	NB - 6473	CẨM 7B	1 870	1 840	30	14/6	PT CB	
9		MIỀN BẮC	13/6	640	28/6	HP - 4882	CẨM 7C	1 256	1 249	7	14/6	PT CB	
10		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	13/6	637	28/6	BN - 2565	CẨM 8A	1 958	1 951	7	14/6	TD	
11		CROMIT THANH HOÁ	15/6	709	30/6	BN - 0808	CẨM 8A	1 680	1 663	17	15/6	TD	
12		CP ĐTTM&DV	13/6	586	27/6	BN - 1799	CỤC 1C	1 050	1 037	13	15/6	TD	
13		CP VT THUỶ	13/6	620	28/6	BN - 1758	CỤC 1B	1 000	984	16	15/6	TD	
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						<i>39 076</i>		<i>39 076</i>			
1		COALIMEX	01/6	1 539	14/6	BN - 1835	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
2		HẢI NỘI	31/5	1 552	31/5	BN - 2022	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
3		CP ĐTTM&DV	31/5	1 565	31/5	BN - 1936	CẨM 8A	1 000		1 000		TD	
4		CROMIT THANH HOÁ	31/5	1 565	31/5	NB - 8881	CẨM 8A	780		780		TD	
5		SX TM THAN UÔNG BÍ	31/5	1 572	31/5	BN - 1997	CỤC 1B	1 000		1 000		TD	
6		CẦU ĐUÔNG	01/6	22	14/6	BN - 2269	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
7		CP DVVT QNINH	02/6	87	15/6	BN - 2646	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
8		CP DVVT QNINH	03/6	112	16/6	BN - 2556	CẨM 8A	1 650		1 650		TD	
9		CP ĐTTM&DV	03/6	125	16/6	BN - 2335	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
10		COALIMEX	03/6	137	16/6	HD - 2299	CẨM 8A	1 976		1 976		PT CB	
11		CẦU ĐUÔNG	03/6	154	16/6	BN - 1468	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
12		MIỀN BẮC	04/6	191	17/6	BN - 2699	CẨM 7B	1 963		1 963		PT CB	
13		CP DVVT QNINH	04/6	193	17/6	HN 2422	CẨM 8A	2 100		2 100		TD	
14		CP SX KD KS DỊCH VỤ CẢNG TNV - HẢI DƯƠNG	04/6	197	17/6	BN - 1829	CẨM 8A	1 660		1 660		TD	
15		CP ĐTTM&DV	04/6	219	17/6	BN - 1299	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
16		CP ĐTTM&DV	04/6	220	17/6	BN - 0988	CỤC 1B	1 050		1 050		TD	
17		CẦU ĐUÔNG	04/6	221	17/6	BN - 1368	CỤC 1A	1 000		1 000		TD	
18		MIỀN BẮC	04/6	231	17/6	BN - 2189	CẨM 7B	1 400		1 400		PT CB	

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

PHÒNG DKSX

NGÀY 16 THÁNG 06 NĂM 2025

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
19		CP ĐTTM&DV	04/6	232	17/6	BN - 1988	CUC 1B	1 100		1 100		TD	
20		CẦU ĐUÔNG	05/6	244	19/6	BN - 0739	CUC 1A	1 000		1 000		TD	
21		CẦU ĐUÔNG	06/6	292	20/6	BN - 0737	CUC 1A	1 000		1 000		TD	
22		CP DVVT QNINH	08/6	385	23/6	BN - 2016	CUC 1B	1 100		1 100		TD	
23		CP VT&KD THAN	10/6	473	25/6	BN - 0679	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
24		THANH HOÁ	12/6	562	27/6	BN - 1386	CUC 1A	1 000		1 000		TD	
25		HÀ NAM NINH	12/6	567	27/6	BN - 2225	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
26		CP HÀNG HẢI VN	13/6	639	28/6	BN - 2699	CÁM 8A	1 963		1 963		TD	
27		CP ĐTTM&DV	14/6	687	29/6	BN - 2519	CUC 1A	700		700		TD	
28		NINH BÌNH	14/6	688	29/6	BN - 0869	CUC 1B	1 000		1 000		TD	
29		CP VT THUỖ	15/6	698	30/6	BN - 2365	CÁM 8A	950		950		TD	
30		CP VT THUỖ	15/6	699	30/6	BN - 1865	CUC 1A	1 234		1 234		TD	
31		MIỀN BẮC	15/6	703B	30/6	NB - 6493	CÁM 5B.1	1 850		1 850		PT CB	
32		XD CN MỎ	15/6	705	30/6	BN - 2395	CUC 1B	1 300		1 300		TD	
III		KHO BẢO NGUYỄN						3 650	3 642	8			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						3 650	3 642	8			
1		ĐIỆN DUYỄN HẢI				SON HẢI 10	Cám 5b.14	3 650	3 642	8	14/6		
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
IV		KHO CẢNG KM6						11 878	11 879	- 1			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						11 878	11 879	- 1			
1		VTT VINACOMIN	12/6	566	27/6	BN 2397	Đon 8a	1 071	1 060	11	13/6	TD	
2		KDT MIỀN BẮC	12/6	559	27/6	VTT 39	Cám 5b.1	3 400	3 395	5	13/6	CBPT	
3		VTT VINACOMIN	10/6	474	25/6	BN 2646	Đon 8a	1 020	1 060	- 40	14/6	TD	
4		DVVT QUẢNG NINH	13/6	641	28/6	HD 1991	Bùn 3c	1 828	1 818	10	15/6	TD	
5		KDT MIỀN BẮC	14/6	689	29/6	BN 2728	Cám 6b.1	2 585	2 582	3	15/6	CBPT	
6		CBT QUẢNG NINH	15/6	704	30/6	QN 7565	Cám 5b.1	1 974	1 965	9	15/6	CBPT	
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>											
V		TÀU XUẤT KHẨU						50 000	-	50 000			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>											
		<i>Tàu đã làm lệnh</i>						50 000		50 000			
1		Nhật Bản	09/06	3 319		MV MIMOSA	CÁM 3B.1	25 000		25 000			TTCO:14.000 - TTHG:8.000 - KDT MIỀN BẮC:3.000
2		Nhật Bản	12/06	3426		MV PACIFIC MELODY	CÁM 3B.1	25 000		25 000			KVCP:16.000 - TTHG:9.000
VI		TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				90 000	57 506	32 494			

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 16 THÁNG 06 NĂM 2025

[illegible]

|

|

|

|

